

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
MÔN HỌC: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ, KHỐI LỚP 9
(Năm học 2024 - 2025)

(Kèm theo Kế hoạch Số 662/KH- TrTHCS, ngày 27/8/2024 của trường THCS Hồng Thái Đông)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 04; Số học sinh: 159; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): 0

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 25; Trình độ đào tạo: Đại học: 24; Trên đại học: 01

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 22; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0 (03 GV hợp đồng dưới 01 năm)

3. Thiết bị dạy học:

3.1. Các thiết bị dạy học có thể sử dụng dạy học môn học/hoạt động giáo dục

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính giáo viên	1/GV	Tất cả các bài học sử dụng TBDH ở mức độ 1	Trừ các bài kiểm tra giữa kì và cuối kì
2	Ti vi	1/Lớp	Tất cả các bài trong chương trình	

3.2. Sử dụng dự án phòng học thông minh, thiết bị dạy học tiên tiến thông minh

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Phân phối chương trình

PHẦN LỊCH SỬ
Cả năm: 35 tuần = 53 tiết
Học kì I: 18 tuần = 27 tiết
Học kì II: 17 tuần = 26 tiết

STT	Bài học/bài kiểm tra, đánh giá định kì (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (4)	Ghi chú (5)
-----	--	-------------	---------------------	-------------

HỌC KÌ I (27 tiết)

Chương 1. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 (6 tiết)

1	Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 (1 tiết)	1	1.Kiến thức - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập. - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm tài liệu, tranh, ảnh, sử dụng bản đồ trong học tập lịch sử để tìm hiểu về tình hình nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Mô tả lược đồ nước Nga Xô viết; lập sơ đồ, bảng biểu chỉ ra những thành tựu và hạn chế trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (trước năm 1941). - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học giới thiệu một thành tựu của công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (1925-1941) 3. Phẩm chất - Yêu nước: Bồi dưỡng ý thức khâm phục và tự hào về những thành tựu mà nhân dân Liên Xô đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; từ đó nhận thức được sức mạnh, tính ưu việt đồng thời tránh ngộ nhận, phủ định quá khứ lịch sử và những thành tựu vĩ đại mà nhân dân Liên Xô đã lao
---	---	---	--

			động quên mình để đạt được trong giai đoạn này.	
2	Bài 2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 (2 tiết)	2,3	1. Kiến thức - Trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 - 1933, sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu. - Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc khai thác tranh ảnh, tư liệu lịch sử trình bày nguyên nhân và biểu hiện cuộc đại suy thoái kinh tế trong những năm 1929 – 1933. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu nhận xét về con đường thoát khỏi đại suy thoái của các nước tư bản châu Âu và nước Mỹ. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học giới thiệu về Chính sách mới của Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven nhằm đưa nước Mỹ thoát khỏi cuộc đại suy thoái kinh tế. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Bồi dưỡng lòng tin vào phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa phát xít, nguy cơ chiến tranh; giáo dục tinh thần quốc tế chân chính.	

3	Bài 3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 (1 tiết)	4	1. Kiến thức - Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. 2. Năng lực <i>* Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm tài liệu, tranh, ảnh để tìm hiểu về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Lập bảng hệ thống những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. Nêu những biểu hiện chứng tỏ sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á sau chiến tranh thế giới thứ nhất. - Năng lực liên hệ, vận dụng kiến thức đã học lí giải được các sự kiện, hiện tượng lớn đang diễn ra hiện nay (ở mức độ đơn giản). 3. Phẩm chất - Yêu nước: Giáo dục cho HS tinh thần đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hoà bình, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước châu Á vì độc lập dân tộc.	
4	Bài 4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) (2 tiết)	5,6	1. Kiến thức - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.	

		- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết khai thác và sử dụng lược đồ để trình bày được diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học để liên hệ được với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Nhận thức đúng đắn về hậu quả của chiến tranh đối với nhân loại, nâng cao ý thức chống chiến tranh, bảo vệ sự sống của con người và nền văn minh nhân loại. - Yêu nước: Giáo dục cho HS học tập tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất chống chủ nghĩa phát xít, giải phóng đất nước của các dân tộc bị xâm lược, đặc biệt là cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô. * Tích hợp quốc phòng và an ninh: Hậu quả của chiến tranh thế giới thứ hai đối với dân tộc Việt Nam	
Chương 2. VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 (6 tiết)			

5	Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930 (1 tiết)	7	1. Kiến thức - Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930. 2. Năng lực <i>* Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết khai thác và sử dụng lược đồ để trình bày được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Phân tích được ý nghĩa của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học: Xây dựng Poster giới thiệu một nhân vật ấn tượng nhất trong phong trào dân tộc dân chủ (1918 - 1930). 3. Phẩm chất - Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, khâm phục và tự hào về truyền thống yêu nước của các thế hệ đi trước.	
6	Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tiết)	8,9	1. Kiến thức - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930. - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	

			2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng; từ đó đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học: Sưu tầm sách báo, Internet, thiết kế sơ đồ tư duy hoặc Infographic giới thiệu những sự kiện chính trong hành trình tìm đường cứu nước, hoạt động CM của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1918 đến năm 1930. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Bồi dưỡng cho HS lòng khâm phục, kính yêu đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và các chiến sĩ cách mạng; củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng. * Tích hợp quốc phòng và an ninh: Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng bảo vệ tổ quốc.	
7	Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 (1 tiết)	10	1.Kiến thức - Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 - 1939.	

			2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc khai thác tranh, ảnh, lược đồ và sử dụng được một số thông tin, tư liệu lịch sử trong bài học tìm hiểu phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 - 1939. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc mô tả được nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 - 1939. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học: Tìm hiểu ở địa phương (tỉnh hoặc thành phố) trong những năm 1930-1931 và 1936-1939 đã diễn ra những cuộc đấu tranh nào? 3. Phẩm chất - Yêu nước: Lòng yêu nước, Sự khâm phục tinh thần đấu tranh anh dũng của quần chúng công nông và các chiến sĩ cộng sản. - Trách nhiệm: Từ đó xác định được trách nhiệm của bản thân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	
8	Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945 (2 tiết)	11,12	1. Kiến thức - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp - Nhật Bản. - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và	

		sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. 2. Năng lực <i>*Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc khai thác tranh, ảnh, lược đồ và sử dụng được một số thông tin, tư liệu lịch sử trong bài học tìm hiểu Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Phân tích sự kiện tiêu biểu để thấy được sự nhạy bén, sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương và Tổng bộ Việt Minh trong lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong CM tháng Tám năm 1945. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học: Tìm hiểu, chia sẻ thông tin về cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 ở địa phương (tỉnh hoặc thành phố). 3. Phẩm chất - Yêu nước: Cảm phục, trân trọng tinh thần yêu nước, hi sinh quên mình vì nền độc lập, tự do dân tộc của các nhà cách mạng tiêu biểu, của nhân dân Việt Nam.	
--	--	---	--

			- Trách nhiệm: Phát huy truyền thống yêu nước, đại đoàn kết dân tộc, xác định được trách nhiệm của bản thân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	
9	Ôn tập giữa kì I (1 tiết)	13	1. Về kiến thức - Hệ thống hoá các kiến thức đã học đầu học kì I: Chương 1,2 (Bài 1 đến bài 8). 2. Về năng lực * Năng lực chung - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Rèn kỹ năng phân tích, tổng hợp. - Xác định mối liên hệ, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng - So sánh, phân tích, khái quát hóa nhận xét, đánh giá 3. Về phẩm chất - Giáo dục lòng yêu thích môn học. - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác.	
10	Kiểm tra giữa kì I (1 tiết)	14	1. Về kiến thức - Kiểm tra kiến thức đã học đầu học kì I: Chương 1,2 (Bài 1 đến bài 8). 2. Về năng lực *Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo: trình bày vấn đề, viết bài. *Năng lực đặc thù - Rèn luyện kỹ năng nêu và giải thích, so sánh, phân tích...sự kiện lịch sử. - Kỹ năng vận dụng kiến thức để đánh giá, rút ra bài học lịch sử. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực: Có ý thức tích cực, độc lập, nghiêm túc, tự giác khi làm bài.	
Chương 3. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991 (11 tiết)				

11	Bài 9. Chiến tranh lạnh (1947 – 1989) (2 tiết)	15,16	1.Kiến thức Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc biết được nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải thích một số vấn đề ngày nay liên quan đến nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. 3. Phẩm chất - Trung thực: Khách quan, trung thực, có ý thức tìm hiểu lịch sử. - Trách nhiệm: Biết phê phán, lên án thái độ thù địch, hoạt động chạy đua vũ trang, chiến tranh, xung đột; ủng hộ hoà bình.	
12	Bài 10. Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 (3 tiết)	17,18, 19	1.Kiến thức - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông	

Âu.

2. Năng lực

*** *Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có).
- Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,...
- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo.

*** *Năng lực đặc thù***

- Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Tóm tắt về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991).
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải thích được nguyên nhân sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Khâm phục và tự hào về những thành tựu mà nhân dân Liên Xô và các nước Đông Âu đạt được từ năm 1945 đến năm 1991; từ đó nhận thức được sức mạnh, tính ưu việt, đồng thời tránh ngộ nhận, phủ định quá khứ lịch sử và những thành tựu vĩ đại mà nhân dân Liên Xô và các nước Đông Âu đã nỗ lực để đạt được trong giai đoạn này.
- Trách nhiệm: Ý thức trân trọng tình hữu nghị giữa Việt Nam và Liên Xô, các nước Đông Âu.
- Trung thực: Có thái độ khách quan, khoa học về những khuyết điểm sai lầm của những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Liên Xô và các nước Đông Âu.

13	Bài 11. Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 (2 tiết)	20,21	1.Kiến thức Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Tóm tắt về chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu và Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991. - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để so sánh, giải thích được sự biến động về chính trị, kinh tế của Mỹ và các nước Tây Âu. 3. Phẩm chất - Trung thực, khách quan trong học tập lịch sử thông qua việc tìm hiểu tình hình chính trị, kinh tế của Mỹ và Tây Âu. - Trách nhiệm: Có thái độ phê phán âm mưu của giới cầm quyền Mỹ trong việc triển khai Chiến lược toàn cầu nhằm thống trị toàn thế giới, tiến hành các cuộc chiến tranh, can thiệp, vi phạm chủ quyền của các quốc gia, dân tộc khác, trong đó có Việt Nam.	
----	---	-------	---	--

14	Bài 12. Khu vực Mỹ La-tinh và Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 (4 tiết) (Tiết 1,2)	22,23	1. Kiến thức - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cu-ba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba. - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). 2. Năng lực <i>* Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về khu vực Mỹ La-tinh và châu Á từ năm 1945 đến năm 1991. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Tóm tắt về tình hình chính trị, kinh tế và khoa học – công nghệ của Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1991. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học để đánh giá kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba. 3. Phẩm chất -Yêu nước: + Bồi dưỡng ý thức khâm phục và tự hào về những thành tựu mà nhân dân các nước Mỹ La-tinh và châu Á đã đạt được trong công cuộc	
----	---	-------	--	--

			xây dựng đất nước từ năm 1945 đến năm 1991. + Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, đoàn kết, ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, lên án chủ nghĩa thực dân; từ đó có tinh thần, trách nhiệm đối với công cuộc đổi mới đất nước.	
15	Ôn tập cuối kì I (1 tiết)	24	1. Về kiến thức - Hệ thống hoá các kiến thức học kì I: Chương 1,2,3 (Bài 1 đến bài 12). 2. Về năng lực * Năng lực chung - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Rèn kỹ năng phân tích, tổng hợp. - Xác định mối liên hệ, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng - So sánh, phân tích, khái quát hóa nhận xét, đánh giá 3. Về phẩm chất - Giáo dục lòng yêu thích môn học. - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác.	
16	Kiểm tra cuối kì I (1 tiết)	25	1. Về kiến thức - Kiểm tra kiến thức học kì I: Chương 1,2,3 (Bài 1 đến bài 12). 2. Về năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo: trình bày vấn đề, viết bài * Năng lực đặc thù - Rèn luyện kỹ năng nêu và giải thích, so sánh, phân tích... sự kiện lịch sử. - Kỹ năng vận dụng kiến thức để đánh giá, rút ra bài học lịch sử. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực: Có ý thức tích cực, độc lập, nghiêm túc, tự giác khi làm bài.	

17	Bài 12. Khu vực Mỹ La-tinh và Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 (4 tiết) (Tiết 3,4)	26,27	1. Kiến thức - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cu-ba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba. - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). 2. Năng lực <i>* Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về khu vực Mỹ La-tinh và châu Á từ năm 1945 đến năm 1991. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Tóm tắt về tình hình chính trị, kinh tế và khoa học – công nghệ của Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1991. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học để đánh giá kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba. 3. Phẩm chất -Yêu nước: + Bồi dưỡng ý thức khâm phục và tự hào về những thành tựu mà nhân dân các nước Mỹ La-tinh và châu Á đã đạt được trong công cuộc	
----	--	-------	--	--

			xây dựng đất nước từ năm 1945 đến năm 1991. + Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, đoàn kết, ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, lên án chủ nghĩa thực dân; từ đó có tinh thần, trách nhiệm đối với công cuộc đổi mới đất nước.	
HỌC KÌ II (26 tiết)				
Chương 4. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991 (11 tiết)				
18	Bài 13. Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 (2 tiết)	28,29	1.Kiến thức - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: giải thích, phân tích,... sự linh hoạt, sáng tạo của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong giải quyết những khó khăn của đất nước sau Cách mạng tháng Tám. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học để nêu những việc cần làm góp phần	

			xây dựng đất nước. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu CNXH, niềm tin vào Đảng, Bác Hồ. - Chăm chỉ, trách nhiệm: sáng tạo, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.	
19	Bài 14. Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946 -1950 (2 tiết)	30,31	1.Kiến thức - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). - Nhận biết và giải thích được đường lối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, quân sự,... trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1946 - 1950. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; quan sát lược đồ, sơ đồ để mô tả diễn biến của các chiến dịch quân sự quan trọng trong kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1946 - 1950. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: giải thích, phân tích được đường lối	

			cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học: Chỉ ra và giải thích được một nội dung trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược có thể vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. 3. Phẩm chất - Yêu nước, trân trọng giá trị của hoà bình và ý thức trách nhiệm đối với việc gìn giữ độc lập, tự do của dân tộc; từ đó lên án các hành động bạo lực vũ trang, phá hoại giá trị hoà bình của nhân loại. - Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.	
20	Bài 15. Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951-1954 (2 tiết)	32,33	1.Kiến thức - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự, ngoại giao,... trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 - 1954. - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954). 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu lịch sử Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 - 1954. Khai thác và sử dụng lược đồ, sơ đồ để mô tả diễn biến	

			chính của chiến dịch Điện Biên Phủ. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Rút ra được ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954). - Năng lực vận dụng kiến thức đã học: Vận dụng được bài học về chiến tranh nhân dân trong công cuộc và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Bồi dưỡng ý thức khâm phục và tự hào về những thắng lợi của quân và dân ta đã đạt được trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 - 1954, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; từ đó nhận thức được tình đoàn kết dân tộc, đoàn kết giữa ba nước Đông Dương và đoàn kết quốc tế. * Tích hợp quốc phòng và an ninh: Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng bảo vệ tổ quốc. Giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và công an Nhân dân Việt Nam.	
21	Bài 16. Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954 - 1965 (1 tiết)	34	1. Kiến thức - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam,.. - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1965 (phong trào Đồng khởi, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”). 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo.	

			* Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua quan sát tranh, ảnh, khai thác và sử dụng thông tin, tư liệu lịch sử để tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu của miền Bắc và thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam giai đoạn 1954 - 1965. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử qua tìm hiểu bảng tóm tắt, kết hợp đọc thông tin trong SGK để nêu kết quả, ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và thắng lợi tiêu biểu của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1965. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng thông qua lập bảng hệ thống và sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet để chứng minh vai trò của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến miền Nam trong những năm 1961 - 1965; giới thiệu về khu di tích Chiến thắng Ấp Bắc và lí do nên đến tham quan, học tập ở khu di tích này. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Thái độ trân trọng những thành tựu mà nhân dân hai miền Nam, Bắc đã đạt được trong giai đoạn 1954 - 1965. - Trách nhiệm: Có ý thức, trách nhiệm trong học tập, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	
22	Bài 17. Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1965 – 1975 (2 tiết)	35,36	1. Kiến thức - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1965 - 1975 (chỉ viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ...). - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về' quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 - 1975 (đánh bại các chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ”, Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...). - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến	

			chống Mỹ cứu nước. 2. Năng lực * <i>Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV, qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu (nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * <i>Năng lực đặc thù</i> - Năng lực tìm hiểu lịch sử qua quan sát hình ảnh, khai thác thông tin để tìm hiểu về thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; những thắng lợi về quân sự của quân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 - 1975. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử qua tìm hiểu bảng tóm tắt, kết hợp đọc thông tin trong SGK để nêu được kết quả, ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và những thắng lợi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân miền Nam giai đoạn 1965 - 1975. - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng thông qua việc sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet để chứng minh vai trò của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến miền Nam trong những năm 1965 - 1975. 3. Phẩm chất - Yêu nước: +Thái độ trân trọng những thành tựu của nhân dân hai miền Nam, Bắc đã đạt được. + Lòng yêu nước, biết ơn, tri ân các anh hùng, liệt sĩ và những người có đóng góp cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). * Tích hợp quốc phòng và an ninh: Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng bảo vệ tổ quốc. Giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang	
--	--	--	---	--

			của Quân đội Nhân dân Việt Nam và công an Nhân dân Việt Nam.	
23	Bài 18. Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991 (2 tiết)	37,38	1. Kiến thức - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 - 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 - 1985. - Mô tả được đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc đổi mới trong giai đoạn 1986 - 1991. - Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu lịch sử Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Rút ra được ý nghĩa của công cuộc đổi mới trong giai đoạn 1986 - 1991 và đánh giá thành tựu cũng như hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học: Rút ra những bài học kinh nghiệm	

			cho công cuộc đổi mới ở thời kì hiện tại. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước gắn với chủ nghĩa xã hội, tinh thần đổi mới trong lao động, công tác, học tập, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào đường lối đổi mới đất nước. * Tích hợp quốc phòng và an ninh: Hậu quả của chiến tranh thế giới thứ hai đối với dân tộc Việt Nam. Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng bảo vệ tổ quốc.	
Chương 5. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY (4 tiết)				
24	Bài 19. Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay (2 tiết) (Tiết 1)	39	1. Kiến thức - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh cũng như	

			tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Lí giải sự vận động, phát triển của tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học để chỉ ra những cơ hội và thách thức mà xu hướng vận động của trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh đem lại cho Việt Nam. 3. Phẩm chất -Trách nhiệm: Bồi dưỡng ý thức ủng hộ hoà bình, phê phán chiến tranh, xung đột, chống chủ nghĩa bá quyền.	
25	Ôn tập giữa kì II (1 tiết)	40	1. Về kiến thức - Hệ thống hoá các kiến thức đã học đầu học kỳ II: Chương 4 (Bài 13 đến bài 18). 2. Về năng lực * Năng lực chung - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Rèn kỹ năng phân tích, tổng hợp. - Xác định mối liên hệ, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng - So sánh, phân tích, khái quát hóa nhận xét, đánh giá 3. Về phẩm chất - Giáo dục lòng yêu thích môn học. - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác.	
26	Kiểm tra giữa kì II (1 tiết)	41	1. Về kiến thức - Kiểm tra kiến thức đã học đầu học kỳ II: Chương 4 (Bài 13 đến bài 18). 2. Về năng lực *Năng lực chung	

			- Năng lực tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo: trình bày vấn đề, viết bài. *Năng lực đặc thù - Rèn luyện kỹ năng nêu và giải thích, so sánh, phân tích...sự kiện lịch sử. - Kỹ năng vận dụng kiến thức để đánh giá, rút ra bài học lịch sử. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trung thực: Có ý thức tích cực, độc lập, nghiêm túc, tự giác khi làm bài.	
27	Bài 19. Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay (2 tiết) (Tiết 2)	42	1. Kiến thức - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh cũng như tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.	

			nay. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Lí giải sự vận động, phát triển của tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học để chỉ ra những cơ hội và thách thức mà xu hướng vận động của trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh đem lại cho Việt Nam. 3. Phẩm chất -Trách nhiệm: Bồi dưỡng ý thức ủng hộ hoà bình, phê phán chiến tranh, xung đột, chống chủ nghĩa bá quyền.	
28	Bài 20. Châu Á từ năm 1991 đến nay (2 tiết)	43,44	1. Kiến thức - Giới thiệu được sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. - Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. 2. Năng lực <i>* Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để giới thiệu được sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước Đông Bắc Á từ năm 1991 đến nay. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Mô tả được quá trình phát triển của	

			ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học để đề xuất được những việc làm góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh và phát triển. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Bồi dưỡng các phẩm chất nỗ lực, kiên trì vượt khó, sáng tạo (học tập từ nhân dân các nước Hàn Quốc, Nhật Bản trong công cuộc xây dựng đất nước). - Yêu nước: Bồi dưỡng tinh thần đoàn kết trong Cộng đồng ASEAN. - Trách nhiệm trong xây dựng và phát triển Cộng đồng ASEAN. * Tích hợp quốc phòng và an ninh: Giới thiệu một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tổ chức ASEAN.	
Chương 6. VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY (1 tiết)				
29	Bài 21. Việt Nam từ năm 1991 đến nay (1 tiết)	45	1. Kiến thức - Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. 2. Năng lực <i>* Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu, biểu đồ trong bài học để chỉ ra được những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước từ	

			năm 1991 đến nay. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Tóm tắt những thành tựu tiêu biểu của công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học để đánh giá kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Xây dựng một bài giới thiệu (Poster, Infographic...) về sự thay đổi của một trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế ở địa phương. 3. Phẩm chất - Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm: Có ý thức tìm tòi, sáng tạo, khám phá lịch sử; sẵn sàng tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh - chính trị ở địa phương. * Tích hợp quốc phòng và an ninh: Giới thiệu một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tổ chức ASEAN.	
30	Ôn tập cuối kì II (1 tiết)	46	1. Về kiến thức - Hệ thống hoá các kiến thức học kỳ II: Chương 4,5,6 (Bài 13 đến bài 21). 2. Về năng lực * Năng lực chung - Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Rèn kỹ năng phân tích, tổng hợp. - Xác định mối liên hệ, tác động giữa các sự kiện, hiện tượng - So sánh, phân tích, khái quát hóa nhận xét, đánh giá 3. Về phẩm chất - Giáo dục lòng yêu thích môn học. - Giáo dục học sinh tính tự học, tự rèn, tính trung thực và tự giác.	
31	Kiểm tra cuối kì II (1 tiết)	47	1. Về kiến thức - Kiểm tra kiến thức học kỳ II: Chương 4,5,6 (Bài 13 đến bài 21). 2. Về năng lực *Năng lực chung	

			- Năng lực tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo: trình bày vấn đề, viết bài. *Năng lực đặc thù - Rèn luyện kỹ năng nêu và giải thích, so sánh, phân tích...sự kiện lịch sử. - Kỹ năng vận dụng kiến thức để đánh giá, rút ra bài học lịch sử.	
Chương 7. CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA (1 tiết)				
32	Bài 22. Cách mạng khoa học – kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa (1 tiết)	48	1. Kiến thức - Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. 2. Năng lực * Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV (qua việc sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu nếu có). - Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học, chia sẻ hiểu biết, nhận xét chéo Phiếu học tập,... - Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo. * Năng lực đặc thù - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và xu thế toàn cầu hoá. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Khai thác tư liệu làm rõ ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đối với Việt Nam.	

			Nêu và đánh giá những tác động của xu thế toàn cầu hóa đối với thế giới. Giải thích tại sao toàn cầu hóa vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Việt Nam. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học nêu trách nhiệm của bản thân khi trở thành công dân toàn cầu. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ: + Nhận thức được trách nhiệm đối với công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước hiện nay để bồi đắp phẩm chất chăm chỉ, ý thức vươn lên với tinh thần không ngừng học hỏi, đổi mới nhằm chiếm lĩnh và sáng tạo những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. + Tôn trọng sự đa dạng của văn hoá nhân loại, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân toàn cầu.	
33	Chủ đề 1. Đô thị: Lịch sử và hiện tại (2 tiết)	49,50	1. Kiến thức - Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực. - Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. - Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. 2. Năng lực *Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc SGK, quan sát tranh ảnh, lược đồ để tìm hiểu về vai trò của đô thị và quá trình đô thị hóa. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất giải pháp và đánh giá các giải pháp của bạn. * Năng lực đặc thù	

			- Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về quá trình đô thị hoá, tác động của đô thị hóa. - Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học: Giới thiệu về một thành phố hoặc thị trấn nơi em sống hoặc gần nơi em sống. 3. Phẩm chất - Yêu nước: Trân trọng những giá trị di sản văn hoá công cuộc phát triển đất nước.	
34	Chủ đề 3. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (3 tiết)	51,52, 53	1. Kiến thức - Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. - Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. 2. Năng lực <i>* Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về quyền và lợi ích hợp pháp của nước ta tại biển đông. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất giải pháp và đánh giá các giải pháp của bạn <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực tìm hiểu lịch sử: Nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về chứng cứ lịch sử, cơ sở pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam.	

			- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Xây dựng sơ đồ tư duy tóm tắt ý nghĩa của biển đảo Việt Nam đối với việc khẳng định, bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Năng lực vận dụng kiến thức đã học: Nêu những việc làm cụ thể mà bản thân có thể thực hiện để góp phần bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm: Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. * Tích hợp quốc phòng và an ninh: Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng bảo vệ tổ quốc.	
--	--	--	--	--

PHẦN ĐỊA LÍ

Học kì I: 18 tuần = 27 tiết

Học kì II: 17 tuần = 25 tiết

Cả năm: 52 tiết

STT	Bài học/bài kiểm tra, đánh giá định kì (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú (4)
CHƯƠNG 1. ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM				
1	Bài 1. Dân tộc và dân số (1 tiết)	1	1. Kiến thức - Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. - Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. - Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. 2. Năng lực - Năng lực chung:	

			+ Giao tiếp và hợp tác: trao đổi, thảo luận với các bạn để thực hiện các nhiệm vụ học tập. + Tự chủ và tự học: tự lực thực hiện được những nhiệm vụ học tập trên lớp và ở nhà. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Địa lí: mô tả được đặc điểm phân bố của các dân tộc Việt Nam. + Tìm hiểu địa lí: sử dụng bảng số liệu để vẽ biểu đồ và nhận xét sự gia tăng dân số nước ta. 3. Phẩm chất - Đồng tình, ủng hộ các chính sách dân số của Nhà nước và địa phương. - Tôn trọng sự đa dạng văn hoá các dân tộc Việt Nam.	
2	Bài 2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư (1 tiết)	2	1. Kiến thức - Đọc bản đồ dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. - Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. 2. Năng lực - Năng lực chung: phát triển năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động tìm kiếm thông tin từ văn bản, bản đồ để tìm hiểu về dân cư Việt Nam. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Địa lí: trình bày được đặc trưng của quần cư thành thị và quần cư nông thôn. + Tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ để tìm kiếm thông tin về đặc điểm phân bố dân cư Việt Nam. 3. Phẩm chất - Tôn trọng các đặc điểm cư trú, tập quán sinh hoạt khác nhau của người dân ở mọi vùng miền.	
3	Bài 3. Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa	3	1. Kiến thức - Tìm hiểu và viết báo cáo phân tích vấn đề' việc làm ở địa phương.	

	phương và phân hóa thu nhập theo vùng (1 tiết)		- Sử dụng số liệu để nhận xét sự phân hoá thu nhập theo vùng ở nước ta. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học thông qua việc tự tìm hiểu vấn đề việc làm và thu nhập ở địa phương. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc tìm hiểu thực tế tại địa phương và trình bày bài tìm hiểu của mình. - Năng lực đặc thù: + Tìm hiểu địa lí: tìm kiếm và phân tích số liệu để thấy sự phân hoá thu nhập theo vùng ở nước ta. + Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn. 3. Phẩm chất - Nhận thức đúng đắn và có hành động thiết thực giúp đỡ người có mức thu nhập thấp.	
CHƯƠNG 2. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ				
4	Bài 4. Nông nghiệp (2 tiết)	4,5	1. Kiến thức - Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp. - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp. - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. 2. Năng lực - Năng lực chung: phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, thảo luận, trình bày ý tưởng, phản hồi, lắng nghe tích cực giữa các HS trong nhóm. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Địa lí: xác định và mô tả được đặc điểm phân bố của cây trồng, vật nuôi; giải thích được đặc điểm phát triển nông nghiệp nước	

			ta. + Tìm hiểu địa lí: sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ để phân tích được sự phát triển và phân bố của nông nghiệp nước ta. + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật kiến thức về nông nghiệp Việt Nam và nông nghiệp địa phương. 3. Phẩm chất - Đồng tình, ủng hộ các chính sách phát triển nông nghiệp của Nhà nước và địa phương. - Giáo dục cho HS tình yêu quê hương, đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.	
5	Bài 5. Lâm nghiệp và thủy sản (2 tiết)	6,7	1. Kiến thức - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. - Trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, tự lực thực hiện được những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Địa lí: trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta. + Tìm hiểu địa lí: sử dụng bảng số liệu và biểu đồ để phân tích được sự phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản nước ta 3. Phẩm chất - Đồng tình, ủng hộ các chính sách phát triển lâm nghiệp và thủy sản của Nhà nước và địa phương. - Giáo dục cho HS tình yêu quê hương, đất nước, có ý thức bảo vệ tài nguyên	

			thiên nhiên: rừng, thủy sản. *Tích hợp QPAN: các hoạt động khai thác thủy sản tại một số ngư trường trọng điểm trên biển Đông Việt Nam	
6	Bài 6. Thực hành: Viết báo cáo về một mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả (1 tiết)	8	1. Kiến thức - Tìm kiếm được thông tin và viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. 2. Năng lực - Năng lực chung: phát triển năng lực tự chủ và tự học thông qua tìm kiếm thông tin về mô hình nông nghiệp tại địa phương. - Tìm hiểu địa lí: tìm kiếm thông tin và viết báo cáo về một mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả. - Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn. 3. Phẩm chất - Nâng cao nhận thức về phát triển nông nghiệp bền vững và sản phẩm nông nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn, an toàn thực phẩm.	
7	Bài 7. Công nghiệp (3 tiết)	9,10,11	1. Kiến thức - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu. - Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học: tự thực hiện các nhiệm vụ học tập trên lớp và ở nhà. + Giao tiếp và hợp tác: hợp tác với bạn trong thực hiện nhiệm vụ học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua việc vận dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế, giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. - Năng lực đặc thù:	

			+ Nhận thức khoa học Địa lí: mô tả được đặc điểm phân bố của các ngành công nghiệp Việt Nam; đánh giá được tác động của các điều kiện đến sự phát triển các ngành công nghiệp nước ta. + Tìm hiểu địa lí: sử dụng được bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ phân tích sự phát triển và phân bố công nghiệp; khai thác internet phục vụ môn học. + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật tri thức, số liệu về ngành công nghiệp, liên hệ thực tế địa phương để làm sâu sắc hơn kiến thức bài học. 3. Phẩm chất - Tích cực ủng hộ chính sách phát triển công nghiệp của Nhà nước và ở địa phương. - Có ý thức học tập và hành động để tham gia bảo vệ môi trường và phát triển công nghiệp xanh.	
8	Ôn tập giữa kì I (1 tiết)	12	1. Kiến thức - Nhận biết, thông hiểu vận dụng được các kiến thức cơ bản về dân cư và các ngành kinh tế. 2. Năng lực - Phát triển năng lực nhận thức khoa học Địa lí thông qua giải thích các vấn đề về dân số, kinh tế - xã hội. - Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí thông qua bản đồ, bảng số liệu,... về dân cư và các ngành kinh tế. - Năng lực vận dụng, liên hệ thực tế. 3. Phẩm chất - Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	
9	Kiểm tra giữa kì I (1 tiết)	13	1. Kiến thức - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ bài 1,2,3,4,5,6,7,8 ở các mức độ: biết, hiểu, vận dụng kiến thức. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất đạo đức của học sinh. 2. Năng lực	

			- Nhận xét, phân tích được bản đồ, số liệu để phát triển năng lực giải quyết các vấn đề về dân cư, kinh tế trong thực tiễn cuộc sống. 3. Phẩm chất - Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	
10	Bài 8. Thực hành: Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta (1 tiết)	14	1. Kiến thức Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. 2. Năng lực - Năng lực chung: tự chủ và tự học thông qua tập trung rèn luyện kỹ năng làm việc với bản đồ. - Năng lực sử dụng các công cụ Địa lí học: đọc được bản đồ phân bố công nghiệp để xác định vị trí các trung tâm công nghiệp, các ngành công nghiệp trong mỗi trung tâm ở nước ta. 3. Phẩm chất Giáo dục cho HS ý thức tự giác trong học tập, học đi đôi hành.	
11	Bài 9. Dịch vụ (3 tiết)	15, 16	1. Kiến thức - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. - Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông. - Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học: tự thực hiện các nhiệm vụ học tập. + Giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với bạn trong thực hiện nhiệm vụ học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong học tập. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian	

			(xác định vị trí địa lí của đối tượng trên bản đồ); giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (giải thích ảnh hưởng của từng nhân tố tới ngành dịch vụ). + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ của Địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học. 3. Phẩm chất - Yêu nước, có trách nhiệm với các điều kiện tác động đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. *Tích hợp QPAN: Vai trò của giao thông vận tải và BCVT trong phát triển kinh tế và an ninh quốc gia.	
12	Bài 10. Thực hành: Tìm hiểu xu hướng phát triển ngành thương mại, du lịch (1 tiết)	17	1. Kiến thức Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học khi tìm hiểu tài liệu, sách báo để xác định xu hướng phát triển trong ngành thương mại và du lịch. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc viết bài tìm hiểu. - Năng lực đặc thù: + Tìm hiểu địa lí: tìm kiếm tài liệu địa lí để phân tích một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch 3. Phẩm chất Tin tưởng và có hành động thiết thực ủng hộ xu thế phát triển tích cực trong ngành thương mại và du lịch.	
CHƯƠNG 3. SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ				
13	Bài 11. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (3 tiết)	18,19, 20	1. Kiến thức - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.	

			- Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; thế' mạnh để phát triển công nghiệp, lâm - nông - thuỷ sản, du lịch. - Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư. - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng. - Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế' mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế' - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. 2. Năng lực - Năng lực chung: phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động của các nhóm HS; giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau, phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được sự phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Địa lí: nhận thức thế' giới theo quan điểm không gian (biết xác định vị trí địa lí của vùng trên bản đồ, phân tích phạm vi, quy mô của vùng), giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (mô tả được sự phân hoá thiên nhiên của vùng, phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất trong vùng). + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ của Địa lí học (khai thác tài liệu văn bản; sử dụng bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu về các nội dung tìm hiểu), khai thác internet phục vụ môn học. + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin, liên hệ thực tế' các nội dung bài học. 3. Phẩm chất - Giáo dục tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước. - Tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau ở các vùng. - Có ý thức và hành động trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên	
--	--	--	--	--

			và bảo vệ môi trường.	
14	Bài 12. Vùng Đồng bằng sông Hồng (4 tiết)	21,22, 23,24	1. Kiến thức - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; vấn đề phát triển kinh tế biển. - Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội. - Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học thông qua quá trình làm việc cá nhân: xác định nhiệm vụ cần làm, triển khai thực hiện,... + Giao tiếp và hợp tác thông qua sử dụng ngôn ngữ phù hợp để trình bày thông tin, ý tưởng, thảo luận, đánh giá về các nội dung của bài học. - Năng lực đặc thù: + Phát triển năng lực nhận thức khoa học Địa lí thông qua giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội. + Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí thông qua bản đồ, bảng số liệu,... vùng Đồng bằng sông Hồng. 3. Phẩm chất - Thêm yêu quý và có trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường,... vùng Đồng bằng sông Hồng. Tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau ở các vùng	
15	Ôn tập cuối kì I (1 tiết)	25	1. Kiến thức	

			- Nhận biết, thông hiểu vận dụng được các kiến thức cơ bản về dịch vụ, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng. 2. Năng lực - Phát triển năng lực nhận thức khoa học Địa lí thông qua giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội. - Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí thông qua bản đồ, bảng số liệu,... vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; vùng Đồng bằng sông Hồng. - Năng lực vận dụng, liên hệ thực tế. 3. Phẩm chất - Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	
16	Kiểm tra cuối kì I (1 tiết)	26	1. Kiến thức - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ bài 9,10,11,12,13 ở các mức độ: biết, hiểu, vận dụng kiến thức. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất đạo đức của học sinh. 2. Năng lực - Nhận xét, phân tích được bản đồ, số liệu để phát triển năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. 3. Phẩm chất - Trung thực, trách nhiệm.	
17	Bài 13. Thực hành: Tìm hiểu về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (1 tiết)	27	1. Kiến thức - Suu tầm tư liệu và trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua thu thập và làm rõ các thông tin về vùng, đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề của vùng. - Năng lực đặc thù: + Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí từ sách, báo, internet, thực tế,...	

			+ Phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp, giải quyết vấn đề' và sáng tạo,... 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, chịu khó tìm hiểu kiến thức địa lí.	
HỌC KÌ II				
18	Bài 14. Bắc Trung Bộ (3 tiết)	28,29, 30	1. Kiến thức - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Bắc Trung Bộ. - Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ. - Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. - Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ. - Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở Bắc Trung Bộ. - Phân tích được thế mạnh về' du lịch ở Bắc Trung Bộ. - Phân tích được vấn đề' phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ. 2. Năng lực - Nhận thức khoa học Địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian (xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Bắc Trung Bộ trên bản đồ; phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các đặc điểm tự nhiên và sự phát triển kinh tế Bắc Trung Bộ), giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (mô tả đặc điểm chủ yếu của tự nhiên Bắc Trung Bộ, phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất). - Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học (bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu,...), khai thác internet phục vụ môn học (biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế - xã hội từ những trang web; biết đánh giá thông tin tiếp cận được). - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin, liên hệ thực tế về Bắc Trung Bộ. 3. Phẩm chất - Giáo dục tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.	

			- Có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phòng, chống thiên tai. - Tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau ở các vùng.	
19	Bài 15. Duyên hải Nam Trung Bộ (3 tiết)	31,32 33	1. Kiến thức - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ. - Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính. - Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc. - Phân tích được những chuyển biến trong phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ. - Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của Duyên hải Nam Trung Bộ. - Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. 2. Năng lực - Nhận thức khoa học Địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian (xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ trên bản đồ; phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các đặc điểm tự nhiên và sự phát triển kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ), giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (mô tả đặc điểm chủ yếu của tự nhiên Duyên hải Nam Trung Bộ; phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất ở Duyên hải Nam Trung Bộ). - Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ Địa lí học (bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu,...), khai thác internet phục vụ môn học (biết lấy thông tin về' tự nhiên, kinh tế - xã hội từ những trang web; biết đánh giá thông tin tiếp cận được). - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin, liên hệ thực tế về Duyên hải Nam Trung Bộ. 3. Phẩm chất - Giáo dục tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.	

			- Có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. - Tôn trọng các giá trị nhân văn ở các vùng khác nhau. * GDQP&AN: Một số hình ảnh về phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh.	
20	Bài 16. Thực hành: Phân tích ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận (1 tiết)	34	1. Kiến thức - Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học: nỗ lực tìm kiếm thông tin về vấn đề hạn hán và sa mạc hoá ở Ninh Thuận, Bình Thuận. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn và trình bày sơ đồ tư duy một cách sáng tạo. - Năng lực đặc thù: + Tìm hiểu địa lí: Tìm hiểu ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận thông qua tư liệu, tranh ảnh,... khai thác từ gợi ý trong bài, internet, thực tế,... + Giao tiếp và hợp tác: khi cùng tìm hiểu, trình bày ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá. 3. Phẩm chất Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.	
21	Bài 17. Vùng Tây Nguyên (3 tiết)	35,36 37	1. Kiến thức - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.	

			- Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên. - Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên. - Trình bày được các vấn đề môi trường trong phát triển. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học: tự xác định và thực hiện các nhiệm vụ học tập. + Giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với bạn trong thực hiện nhiệm vụ học tập. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện vấn đề từ nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí vùng Tây Nguyên. + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ của Địa lí học: bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, khai thác internet nội dung có liên quan đến bài học. 3. Phẩm chất - Thêm yêu quý và có trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường,... vùng Tây Nguyên. - Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa các vùng, miền.	
22	Bài 18. Vùng Đông Nam Bộ	38	1. Kiến thức - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng.	

			- Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học: thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: xác định được các vấn đề đặt ra trong việc phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ, có thể giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập. - Năng lực đặc thù: + Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí theo quan điểm không gian; giải thích các quá trình và hiện tượng địa lí tự nhiên, kinh tế – xã hội vùng Đông Nam Bộ. + Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí thông qua tranh ảnh, bản đồ, bảng số liệu,... liên quan đến vùng Đông Nam Bộ. + Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; tự chủ, tự học để tìm hiểu các vấn đề về điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế – xã hội vùng Đông Nam Bộ. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, chịu khó học tập. - Có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường vùng Đông Nam Bộ.	
23	Ôn tập giữa kì II (1 tiết)	39	1. Kiến thức - Nhận biết, thông hiểu vận dụng được các kiến thức cơ bản về vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. 2. Năng lực - Phát triển năng lực nhận thức khoa học Địa lí thông qua giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội.	

			- Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí thông qua bản đồ, bảng số liệu,... vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. - Năng lực vận dụng, liên hệ thực tế. 3. Phẩm chất - Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	
24	Kiểm tra giữa kì II (1 tiết)	40	1. Kiến thức - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ bài 14,15,16,17 ở các mức độ: biết, hiểu, vận dụng kiến thức. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất đạo đức của học sinh. 2. Năng lực - Nhận xét, phân tích được bản đồ, số liệu để phát triển năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. 3. Phẩm chất - Trung thực, trách nhiệm.	
25	Bài 18. Vùng Đông Nam Bộ (tiếp theo)	41	1. Kiến thức - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng. - Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học: thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: xác định được các vấn đề đặt ra trong việc	

			phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ, có thể giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập. - Năng lực đặc thù: + Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí theo quan điểm không gian; giải thích các quá trình và hiện tượng địa lí tự nhiên, kinh tế – xã hội vùng Đông Nam Bộ. + Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí thông qua tranh ảnh, bản đồ, bảng số liệu,... liên quan đến vùng Đông Nam Bộ. + Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; tự chủ, tự học để tìm hiểu các vấn đề về điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế – xã hội vùng Đông Nam Bộ. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, chịu khó học tập. - Có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường vùng Đông Nam Bộ.	
26	Bài 19. Thực hành: Tìm hiểu Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (1 tiết)	42	1. Kiến thức Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Giao tiếp và hợp tác: chủ động hợp tác với thầy cô và bạn bè để giải quyết vấn đề học tập, + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ. - Năng lực đặc thù: + Tìm hiểu địa lí thông qua các công cụ Địa lí học (khai thác văn bản, bản đồ, số liệu,...); thông qua khai thác internet,... để tìm hiểu về Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo khi tìm kiếm thông tin, viết báo cáo; năng lực	

			giao tiếp và hợp tác khi thực hiện làm việc nhóm, báo cáo kết quả học tập,...	
			3. Phẩm chất - Chăm chỉ, chịu khó học tập.	
27	Bài 20. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (2 tiết)	43,44	1. Kiến thức - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng. - Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng. - Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Giao tiếp và hợp tác: trao đổi, thảo luận nội dung bài học rõ ràng, logic. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống trong học tập, phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian; giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. + Tìm hiểu địa lí thông qua việc tìm kiếm thông tin từ các công cụ địa lí, internet,... để tìm hiểu về vùng Đồng bằng sông Cửu Long. 3. Phẩm chất - Yêu quý, có trách nhiệm trong bảo vệ môi trường thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	
28	Bài 21. Thực hành: Tìm hiểu về tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long	45	1. Kiến thức - Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. 2. Năng lực	

	(1 tiết)		- Năng lực chung: phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua vận dụng kiến thức và hiểu biết thực tế để đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Năng lực đặc thù: + Tìm hiểu địa lí thông qua công cụ Địa lí học (tư liệu, số liệu, tranh ảnh, bản đồ,...) và internet để tìm kiếm thông tin, phân tích tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long. + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đề xuất giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long. 3. Phẩm chất - Có ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường để giảm nhẹ biến đổi khí hậu.	
CHỦ ĐỀ CHUNG (3 tiết)				
29	Chủ đề 2. Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long	46,47	1. Kiến thức - Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông. - Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. - Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại. 2. Năng lực - Năng lực chung: phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua xác định được vấn đề cần tìm hiểu, có ý tưởng và tổ chức để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: mô tả được các đặc điểm chủ yếu về văn hoá của hai châu thổ, mô tả được biểu hiện của biến đổi khí hậu ở	

			hai châu thổ. + Tìm hiểu lịch sử và địa lí: sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu một số nét đặc sắc về văn hóa ở hai châu thổ; bảng số liệu để nhận xét về biểu hiện của biến đổi khí hậu đối với hai châu thổ. + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: liên hệ thực tế về văn hóa, biến đổi khí hậu ở hai châu thổ. 3. Phẩm chất - Tôn trọng các giá trị nhân văn khác nhau, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. - Có ý thức và hành động trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở hai châu thổ.	
30	Ôn tập cuối kì II (1 tiết)	48	1. Kiến thức - Nhận biết, thông hiểu vận dụng được các kiến thức cơ bản về dịch vụ, vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. 2. Năng lực - Phát triển năng lực nhận thức khoa học Địa lí thông qua giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội. - Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí thông qua bản đồ, bảng số liệu,... vùng vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Năng lực vận dụng, liên hệ thực tế. 3. Phẩm chất - Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	
31	Kiểm tra cuối kì II (1 tiết)	49	1. Kiến thức - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ bài 18,19,20,21,22 ở các mức độ: biết, hiểu, vận dụng kiến thức. Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy và học góp phần hình thành và phát triển các năng lực phẩm chất đạo đức của học sinh. 2. Năng lực - Nhận xét, phân tích được bản đồ, số liệu để phát triển năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. 3. Phẩm chất	

			- Trung thực, trách nhiệm.	
32	Chủ đề 2. Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (tiếp theo)	52	1. Kiến thức - Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông. - Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. - Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại. 2. Năng lực - Năng lực chung: phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua xác định được vấn đề cần tìm hiểu, có ý tưởng và tổ chức để giải quyết nhiệm vụ học tập. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí: mô tả được các đặc điểm chủ yếu về văn hoá của hai châu thổ, mô tả được biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai châu thổ. + Tìm hiểu lịch sử và địa lí: sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu một số nét đặc sắc về văn hóa ở hai châu thổ; bảng số liệu để nhận xét về biểu hiện của biến đổi khí hậu đối với hai châu thổ. + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: liên hệ thực tế về văn hóa, biến đổi khí hậu ở hai châu thổ. 3. Phẩm chất - Tôn trọng các giá trị nhân văn khác nhau, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. - Có ý thức và hành động trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở hai châu thổ.	
33	Bài 22. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài	51,52	1. Kiến thức - Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ	

nguyên, môi trường biển đảo		các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó. - Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. 2. Năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học: rèn luyện các kỹ năng phân tích sơ đồ, bản đồ. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: nhận diện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến tìm hiểu phát triển tổng hợp kinh tế, bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo. - Năng lực đặc thù: + Nhận thức khoa học Địa lí theo quan điểm không gian thông qua sơ đồ các vùng biển quốc gia, các đảo và huyện đảo. + Tìm hiểu địa lí để trình bày vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển; vấn đề khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường. 3. Phẩm chất - Phẩm chất yêu nước, có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền, môi trường biển đảo. * GDQP&AN: Một số hình ảnh về phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh	
-----------------------------	--	--	--

2. Kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ

2.1. Phân Lịch sử

Hình thức KTĐG (1)	Bài học (2)	Thời gian (3)	Thời điểm (4)	Công cụ (5)	Ghi chú (6)
-----------------------	----------------	------------------	------------------	----------------	----------------

Thường xuyên (1)	Bài 1,2,3,4,5,6,7,8	5 phút	Tuần 1 đến tuần 8	Sản phẩm học tập, bài thực hành, các dự án học tập	
ĐK- giữa học kì 1	Bài 1,2,3,4,5,6,7,8	45 phút	Tuần 9	Đề kiểm tra	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
Thường xuyên (2)	Bài 9,10,11,12	5 phút	Tuần 10 đến tuần 16	Sản phẩm học tập, bài thực hành, các dự án học tập	
ĐK - cuối học kì 1	Bài 1 ->12	45 phút	Tuần 17	Đề kiểm tra	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
Thường xuyên (3)	Bài 13,14,15,16,17,18,19	5 phút	Tuần 19 đến tuần 25	Sản phẩm học tập, bài thực hành, các dự án học tập	
ĐK- giữa học kì 2	Bài 13,14,15,16,17,18	45 phút	Tuần 26	Đề kiểm tra	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
Thường xuyên (4)	Bài 19,20,21	5 phút	Tuần 27 đến tuần 30	Sản phẩm học tập, bài thực hành, các dự án học tập	
ĐK- cuối học kì 2	Bài 13 -> 21	45 phút	Tuần 31	Đề kiểm tra	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)

2.2. Phần Địa lí

Hình thức KTĐG (1)	Bài học (2)	Thời gian (3)	Thời điểm (4)	Công cụ (5)	Ghi chú (6)
Thường xuyên (1)	Bài 1 đến bài 8	5 phút	Tuần 1 đến tuần 8	Sản phẩm học tập, câu hỏi + bảng điểm	Bài thực hành, các dự án học tập.
ĐK- giữa học kì 1	Bài 1 đến bài 8	45 phút	Tuần 9	Đề kiểm tra	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
Thường xuyên (2)	Bài 9 đến bài 13	5 phút	Tuần 10 đến tuần 18	Bài tập	Bài thực hành, các dự án học tập.
ĐK - cuối học kì 1	Bài 9 đến bài 13	45 phút	Tuần 17	Đề kiểm tra	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)

Thường xuyên (3)	Bài 14 đến bài 17	5 phút	Tuần 19 đến tuần 25	Phiếu đánh giá theo Rubric	Bài thực hành, các dự án học tập.
ĐK- giữa học kì 2	Bài 14 đến bài 17	45 phút	Tuần 26	Đề kiểm tra	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)
Thường xuyên (4)	Bài 18 đến bài 22	5 phút	Tuần 27 đến tuần 34	Hồ sơ học tập	Vở bài tập
ĐK- cuối học kì 2	Bài 18 đến bài 21, chủ đề chung	45 phút	Tuần 31	Đề kiểm tra	Kiểm tra viết (TN 40%, TL 60%)